

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hoa** và bà **Nguyễn Thị Quy .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T3** (tên viết tắt: T4)

Trụ sở: Tòa nhà T, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T3.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Văn Bảo T** – Chức vụ: Quyền Giám đốc Trung tâm xử lý nợ 2, khối xử lý và thu hồi nợ Ngân hàng TMCP T3.

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông **Phạm Anh T1**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: tầng D, số C Hậu Giang, phường B, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Ứ.**

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Trụ sở: 1/27 khu A, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng Gia B** – chức vụ: Giám đốc.

(Ông T1 có đơn xin vắng mặt; Công ty Cổ phần Ứ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T3 trình bày:

Ngày 19/07/2018, Ngân hàng TMCP T3 (gọi tắt là “T5”) ký Hợp đồng cho vay số: 472/2018/HDTD/BHA/01 với Công ty Cổ phần Ú (gọi tắt là “Công ty Ú”). Cụ thể T5 đồng ý cấp cho Công ty Ú số tiền là: 630.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Khách hàng mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp.

- Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân của T5 như sau:

- Lãi suất áp dụng kể từ ngày 19/07/2018 cho đến 18/07/2019 là 8.4%/năm

- Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 19/07/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng áp dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp của T5 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.55%/năm.

Trả nợ gốc và lãi hàng tháng 01/lần vào ngày 25.

Ngày 10/08/2018, Ngân hàng TMCP T3 ký Hợp đồng cho vay số: 530/2018/HDTD/BHA/01 với Công ty Ú. Cụ thể T5 đồng ý cấp cho Công ty Ú số tiền là: 558.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Khách hàng mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp.

- Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân của T5 như sau:

- Lãi suất áp dụng kể từ ngày 14/08/2018 cho đến 13/08/2019 là 8.9%/năm.

- Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 14/08/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng áp dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp của T5 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.65%/năm.

Trả nợ gốc và lãi hàng tháng 01/lần vào ngày 25.

Ngày 14/08/2018, Ngân hàng TMCP T3 ký Hợp đồng cho vay số: 531/2018/HDTD/BHA/01 với Công ty Ú. Cụ thể T5 đồng ý cấp cho Công ty Ú số tiền là: 279.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Khách hàng mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp.

- Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân của T5 như sau:

- Lãi suất áp dụng kể từ ngày 14/08/2018 cho đến 13/08/2019 là

8.9%/năm.

- Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 14/08/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng áp dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp của T5 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.65%/năm.

Trả nợ gốc và lãi hàng tháng 01/lần vào ngày 25.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Ú đã tự nguyện thế chấp cho T5 các tài sản sau: (1) Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60C-430.82, số khung: 5KHAJCO79902, số máy: D4CBJ539456, theo GCN đăng ký số 114873 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 17/07/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú; (2) Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60C-434.05, số khung: 5KHAJCO79901, số máy: D4CBJ539450, theo GCN đăng ký số 114878 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 17/07/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú; (3) Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-433.81, số khung: 5KHAJCO83371, Số máy: J580268D4CB, theo GCN đăng ký số 110832 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú; (4) Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-434.71, số khung: 5KHAJCO83372, số máy: J580282D4CB, theo GCN đăng ký số 110837 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú; (5) Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-435.27, số khung: 5KHAJCO81975, số máy: D4CBJ574521, theo GCN đăng ký số 110831 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

Việc thế chấp được lập thành Hợp đồng thế chấp tài sản số: 472/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 07/12/2018; 530/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 10/08/2018; 531/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 14/08/2018. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Ú đã trả cho T5 được số tiền 1.288.582.308 đồng (trong đó nợ gốc 959.058.564 đồng, nợ lãi 329.523.744 đồng).

Kể từ tháng 25/12/2021 đến nay Công ty Ú không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho T5 dẫn đến phát sinh nợ quá hạn do đó thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ trước hạn và áp dụng biện pháp khởi kiện để thu hồi khoản nợ của Công ty Ú.

Nay Ngân hàng TMCP T3 (gọi tắt là “T5”) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty CP Ú phải thanh toán ngay cho T5 tổng số tiền (tạm tính đến ngày 26/09/2024) là: 628,502,980 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn chín trăm tám mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc là:

435,941,436 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.320.660 đồng, N lãi quá hạn: 179.240.885 đồng.

2. Đề nghị tiếp tục cho tính tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt kể từ ngày 27/09/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 472/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 07/12/2018; 530/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 10/08/2018; 531/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 14/08/2018. Thanh toán xong khoản nợ, trả 1 lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Trong trường hợp, Công ty CP Ú không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì T5 yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của Công ty để thu hồi nợ cho T5. Cụ thể tài sản bảo đảm là các Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-430.82; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.05; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-433.81; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.71; xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-435.27.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ Công ty CP Ú tại T5. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ Công ty CP Ú vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T5.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn Công ty Cổ phần Ú không đến Tòa án làm việc, không có bất cứ ý kiến và văn bản nào gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố.

Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời cũng niêm yết Thông báo kết quả phiên họp trên

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 26/09/2024 là: 628.502.980 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn chín trăm tám mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 435.941.436 đồng; Nợ lãi trong hạn: 13.320.660 đồng, N lãi quá hạn: 179.240.885 đồng.

Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt kể từ ngày 27/09/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 472/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 07/12/2018; 530/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 10/08/2018; 531/2018/HDTD/BHA/01 ký ngày 14/08/2018.

Tài sản bảo đảm là các xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-430.82; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.05; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-433.81; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.71; xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-435.27 được dùng đảm bảo thi hành án. Trường hợp Công ty CP Ú không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T6 có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP T3 khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Ú thanh toán tiền gốc và lãi còn thiếu theo hợp đồng được các bên ký kết. Các đương sự đều có đăng ký kinh doanh và cả hai đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự trong vụ án không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án theo Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ngân hàng TMCP T3 là nguyên đơn, Công ty Cổ phần Ú là bị đơn theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty Ú, tại thời điểm năm 2018 khi ký các hợp đồng cho vay với Ngân hàng TMCP T3 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty Ú là ông Lã Chấn C. Tuy nhiên căn cứ Văn bản số 503/ĐKKD ngày 16/8/2023 của phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai thì

người đại diện theo pháp luật của Công ty Ú hiện tại là ông Nguyễn Hoàng Gia B. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Hoàng Gia B là đại diện theo pháp luật của Công ty Ú.

[4] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Công ty Ú có đăng ký trụ sở tại số A khu dân cư A, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn Công ty Ú vẫn vắng mặt mà không có lý do. Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 472/2018/HDTD/BHA/01 ngày 19/7/2018 thì Công ty Ú đã vay của Ngân hàng TMCP T3 số tiền 630.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp trong đó khoản vay thông thường số tiền 558.000.000 đồng và khoản vay tăng thêm số tiền 72.000.000 đồng. Thời hạn vay đối với số tiền vay 558.000.000 đồng là 60 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên). Thời hạn vay đối với số tiền vay 72.000.000 đồng là 36 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên).

Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 530/2018/HDTD/BHA/01 ngày 10/8/2018 thì Công ty Ú đã vay của Ngân hàng TMCP T3 số tiền 558.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp. Thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên).

Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 531/2018/HDTD/BHA/01 ngày 14/8/2018 thì Công ty Ú đã vay của Ngân hàng TMCP T3 số tiền 279.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe phục vụ nhu cầu vận tải nội bộ của chính doanh nghiệp. Thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên).

Thực hiện đúng hợp đồng ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho Công ty Ú và Công ty Ú đã nhận đủ tiền vay gốc của các hợp đồng số 472/2018/HDTD/BHA/01 ngày 19/7/2018; số 530/2018/HDTD/BHA/01 ngày 10/8/2018; số 531/2018/HDTD/BHA/01 ngày 14/8/2018.

Sau khi vay, Công ty Ú đã trả cho Ngân hàng TMCP T3 được số tiền 1.288.582.308 đồng (trong đó: nợ gốc đã trả là 959.058.564 đồng, nợ lãi đã trả là 329.523.744 đồng). Công ty Ú thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho đến ngày 25/12/2021 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP T3 đã có văn bản Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

[1.2] Về số tiền nợ lãi:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật*”. Theo hợp đồng vay số 472/2018/HDTD/BHA/01 ngày 19/7/2018; số 530/2018/HDTD/BHA/01 ngày 10/8/2018; số 531/2018/HDTD/BHA/01 ngày 14/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP T3 và Công ty Ú thì lãi suất cho vay trong hạn được xác định và áp dụng theo từng hợp đồng cấp tín dụng, lãi xuất quá hạn =150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi xuất quá hạn được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên không trái với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, buộc Công ty Ú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 628.502.980 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu năm trăm linh hai nghìn chín trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc 435.941.436 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.320.660 đồng, N lãi quá hạn: 179.240.885 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, kể từ ngày 27/9/2024 Công ty cổ phần Ú còn phải tiếp tục chịu lãi

trên số tiền phải thanh toán Ngân hàng TMCP T3 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho vay.

[2] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Căn cứ các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 472/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 07/12/2018; 530/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 10/8/2018; 531/2018/HDBD/BHA/01 ký ngày 14/08/2018 thì để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Ú đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng TMCP T3 các tài sản sau: xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-430.82; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.05; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-433.81; Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-434.71; xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60C-435.27.

Xét tính pháp lý hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị Định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163. Theo đó thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Qua lời trình bày của nguyên đơn, kết quả ủy thác thu thập chứng cứ và tài liệu, chứng cứ do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Đ cung cấp thì hiện tại không biết rõ các xe ô tô là tài sản thế chấp đang ở đâu và do ai quản lý nên không thể tiến hành thẩm định được. Xét thấy hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thì sẽ phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần Ú phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 29.140.120 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T3 được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 299, Điều 303, Điều 463, khoản 1 khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 688, Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4, Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T3 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn Công ty cổ phần Ú.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần Ú có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền 628.502.980 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu năm trăm linh hai nghìn chín trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc là: 435.941.436 đồng, nợ lãi 192.561.545 đồng (nợ lãi trong hạn: 13.320.660 đồng; nợ lãi quá hạn: 179.240.885 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Công ty cổ phần Ú không trả nợ hay trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP T3 thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm:

- Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-430.82, số khung: 5KHAJCO79902, số máy: D4CBJ539456, theo GCN đăng ký số 114873 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 17/07/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-434.05, số khung: 5KHAJCO79901, số máy: D4CBJ539450, theo GCN đăng ký số 114878 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 17/07/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, Màu Trắng; BKS: 60 C-433.81, số khung: 5KHAJCO83371, Số máy: J580268D4CB, theo GCN đăng ký số 110832 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-434.71, số khung: 5KHAJCO83372, số máy: J580282D4CB, theo GCN đăng ký số 110837 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu KIA THACO, màu trắng; BKS: 60 C-435.27, số khung: 5KHAJCO81975, số máy: D4CBJ574521, theo GCN đăng ký số 110831 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 09/08/2018 thuộc sở hữu của Công ty Ú.

3. Về án phí:

Bị đơn Công ty cổ phần Ú phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 29.140.120 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 12.850.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009181 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T3; Bị đơn Công ty cổ phần Ú có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;

- Chi cục THA Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

Trương Thị Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị T2